



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 02 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 04/KQXN.28.01.2026

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM



I. Thông tin mẫu:

1. **Tên mẫu:** Nước sinh hoạt

2. **Mã mẫu:**

20.01.26.A13(M1): Vòi phát Xí nghiệp nước Kiến Xương

20.01.26.A14(M2):GD Nguyễn Thị Vui - TDP Đông Trung, xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên

20.01.26.A15(M3):GD Vũ Duy Hưng - Thôn Đồng Tiến, xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên

3. **Mô tả mẫu:** Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. **Nơi lấy mẫu:** Xí nghiệp nước Kiến Xương

5. **Địa chỉ:** TDP Đông Trung – Xã Kiến Xương – Tỉnh Hưng Yên

6. **Người gửi mẫu/Lấy mẫu:** Vũ Thị Hạnh

7. **Ngày nhận mẫu:** 20/01/2026

8. **Thời gian thí nghiệm:** 20/01/2026

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Hach Method 8025 (LoD= 1.13)	KPH	KPH	KPH	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	/	Không có mùi lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7.23	7.25	7.26	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.233	0.271	0.285	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Hach Method 8021 (LoD= 0.05)	0.71	0.61	0.55	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Hach Method 8008 (LoD= 0.012)	KPH	KPH	KPH	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Hach Method 8149 (LoD= 0.006)	< 0.018	< 0.018	< 0.018	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO ₃) (*)	TCVN 6224:1996 (LoD= 8.02)	130	125	135	mg/L	300



Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới, mọi thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. “*” Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. “***” Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 02 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 04/KQXN.28.01.2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2	M3		
9.	Hàm lượng Amoni (*)	Hach Method 8038 (LoD= 0.02)	< 0.08	< 0.08	< 0.08	mg/L	1
10.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	Hach Method 8507 (LoD= 0.0015)	<0.0052	< 0.0052	< 0.0052	mg/L	0.9
11.	Hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻)(*)	Hach Method 8051 (LoD= 1.22)	20	22	23	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat (*)	TCVN 6186:1966 (LoD= 0.10)	< 0.34	< 0.34	< 0.34	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua (*)	TCVN6194:1996 (LoD= 1.20)	5.67	5.67	6.38	mg/L	250 hoặc 300
14.	Hàm lượng Asen (**)	SMEWW3114 B:2023	< 0.3x10 ⁻³ (b)	< 0.3x10 ⁻³ (b)	< 0.3x10 ⁻³ (b)	mg/L	0.01

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện (Kết quả dưới mức LoD).
- LoD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.
- LoQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.
- Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LoD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100ml.



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG KH-KT

Hưng Yên, ngày 28 tháng 1 năm 2026

TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM

Trần Văn Đức

Nguyễn Trung Kiên

Phùng Thị Thu Hà

- Lưu ý:**
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới, mọi thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
 2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.
 3. “*” Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
 4. “**” Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.